TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH Q**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 122/2020/QĐST-HNGĐ	*Q , ngày 07 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hôn nhân gia đình"* giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn Đ , sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn C, xã T , thị xã Q , tỉnh Q .

Bị đơn: Chị Phạm Thị Th , sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn C, xã T , thị xã Q , tỉnh Q .

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Đ và chị Phạm Thị Th .

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Trần Văn Đ và chị Phạm Thị Th có 02 con chung là Trần Thị Lan A, sinh ngày 29/10/2000 và Trần Đức Ch, sinh ngày 16/9/2006. Ly hôn, anh Đ và chị Th thoả thuận thống nhất về con chung như sau: Con chung là Trần Thị Lan A, sinh ngày 29/10/2000 đã thành niên nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung là Trần Đức Ch, sinh ngày 16/9/2006 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, công nợ: Anh Trần Văn Đ và chị Phạm Thị Th thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Anh Trần Văn Đ tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Đ đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0001856 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q , tỉnh Q , anh Trần Văn Đ được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TX Q ;
- Chi cục THADS TX Q ;
- UBND xã Tiền An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga